



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP S.P.M

Ngày 30/06/2025	11,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	-5.5%	-5.1%

DT thuần Q2/25
65.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.9 -20.4%
YoY: ▼6.50 -9.0%

LN thuần Q2/25
2.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10 -50.9%
YoY: ▲ 7.04 140%

LN sau thuế Q2/25
0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.08 -97.9%
YoY: ▲ 6.42 101%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
4.7%
YoY: +/- ▼ 2.2%

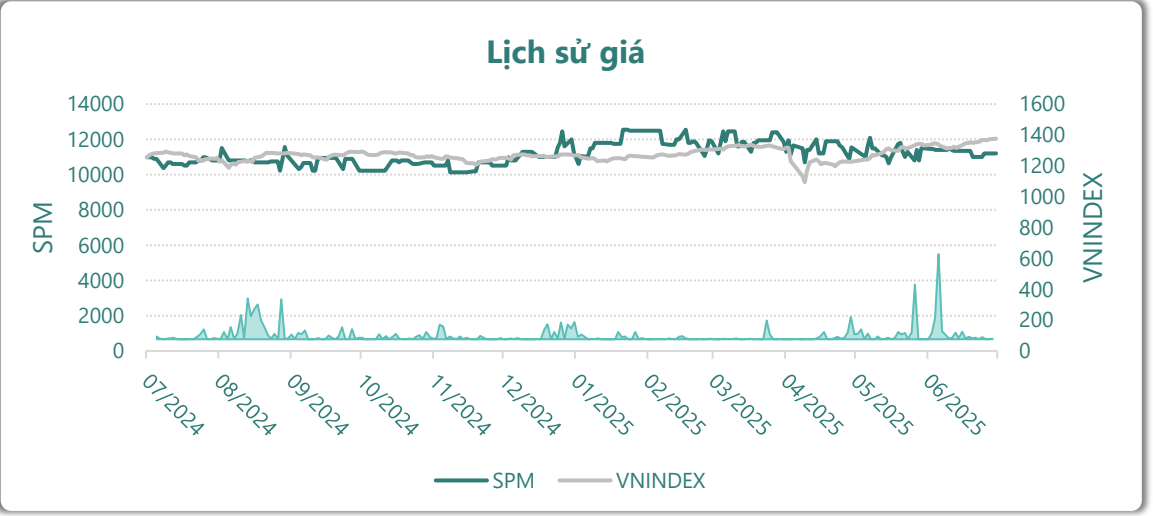
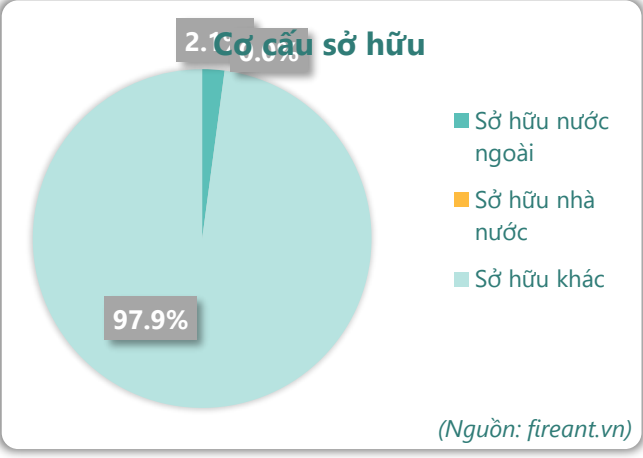
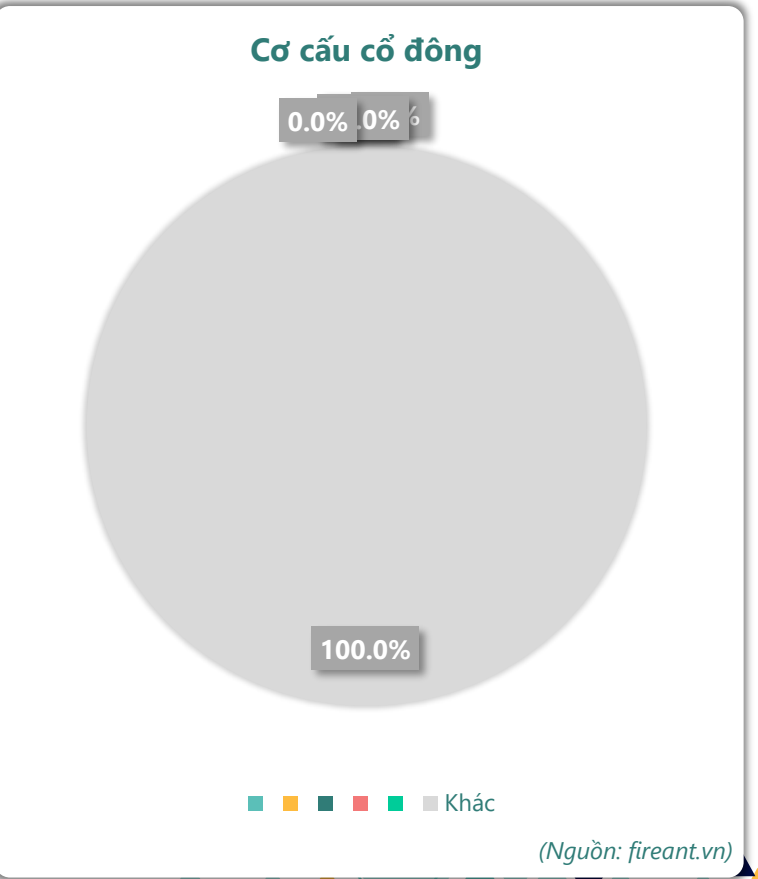
ROE (TTM) Q2/25
1.8%
YoY: +/- ▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,131 - 12,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
Số lượng CPLH (CP)	13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	545
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.36
EPS	1,061
P/E	10.6

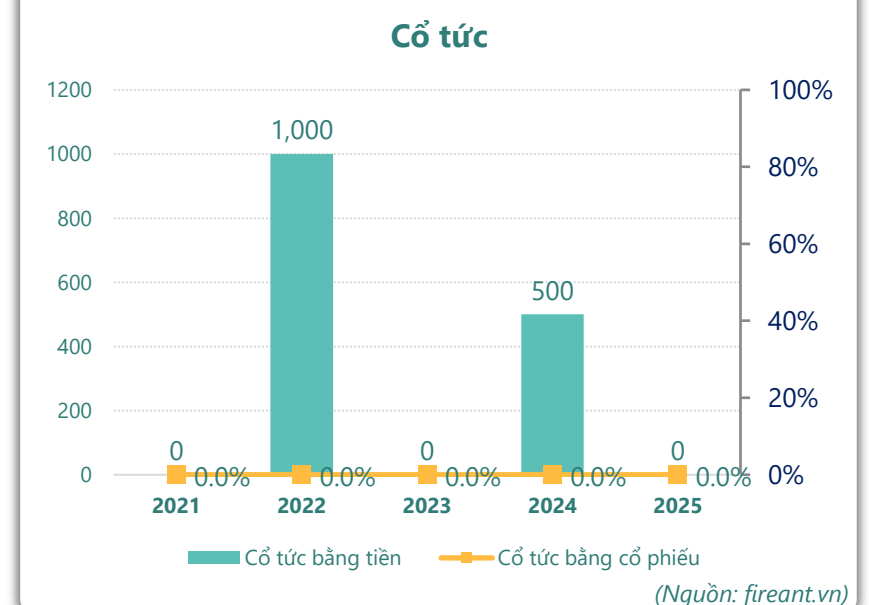
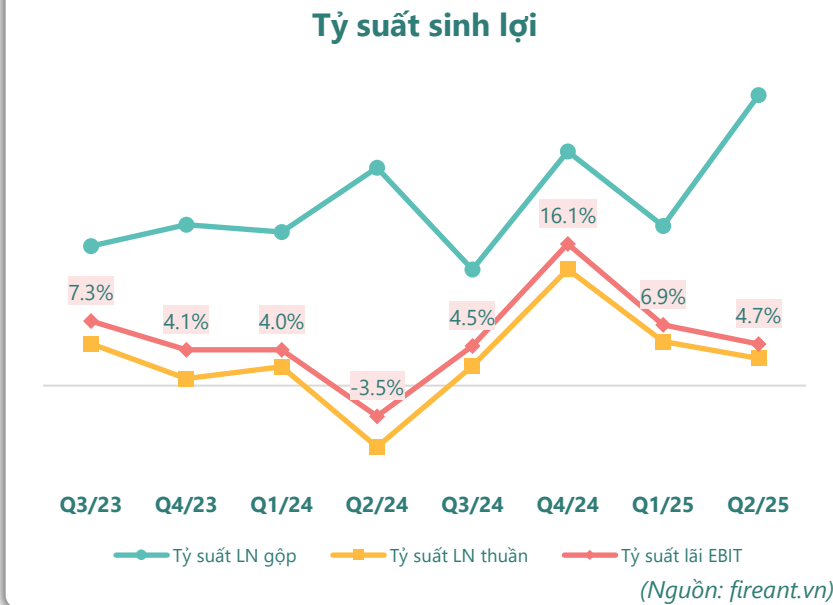
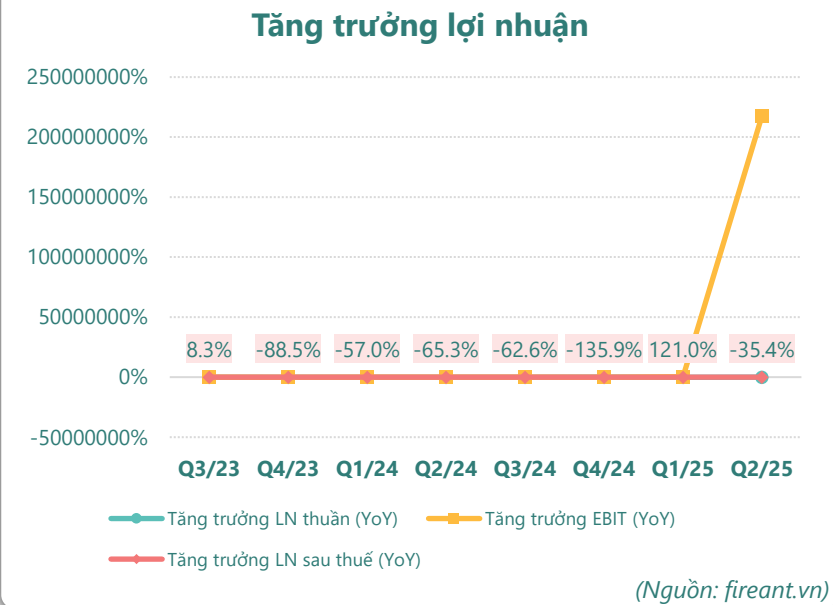
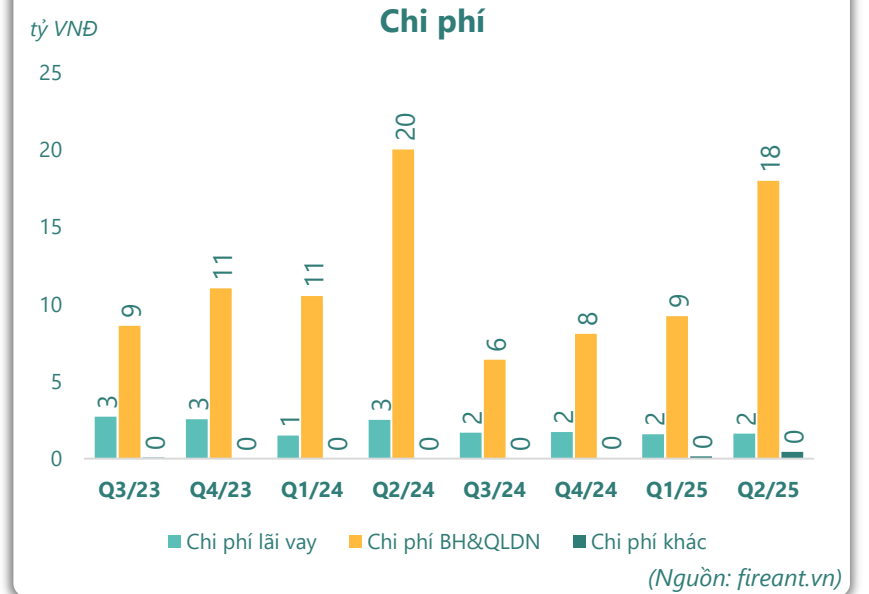
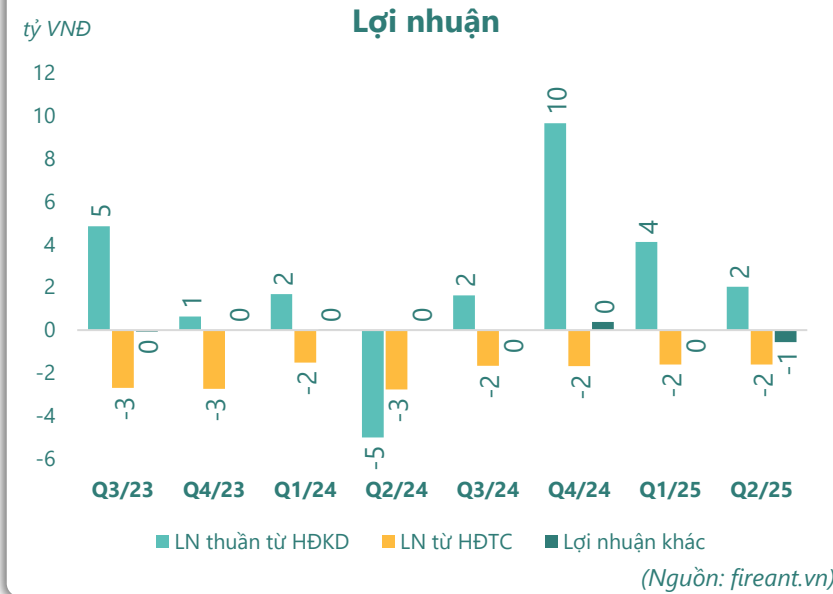
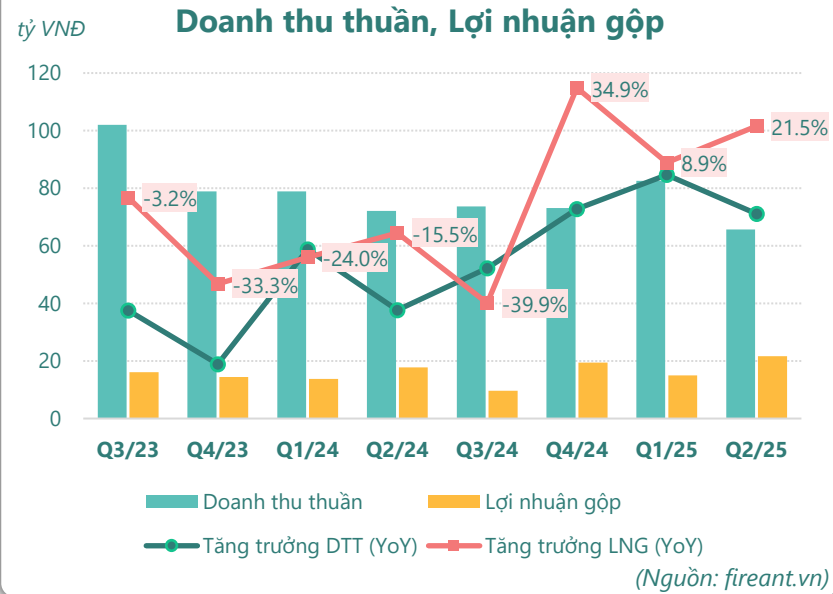
DT thuần 6T 2025
148
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.00 -1.8%

LN thuần 6T 2025
6.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.48 284%

LN sau thuế 6T 2025
3.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.30 163%



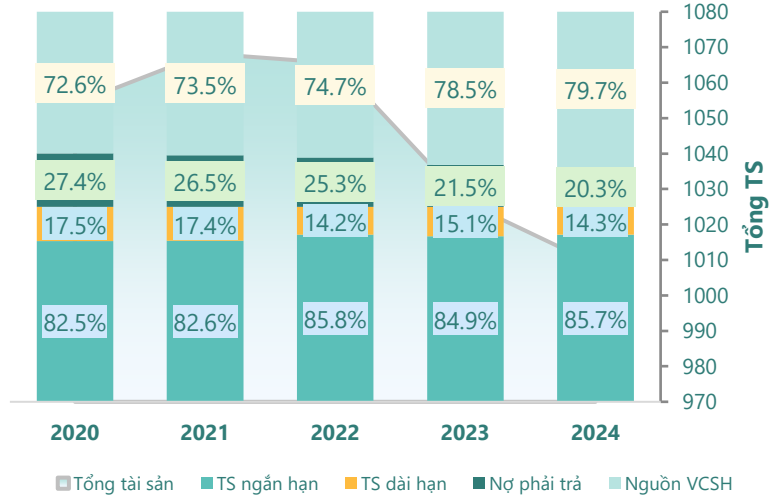
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

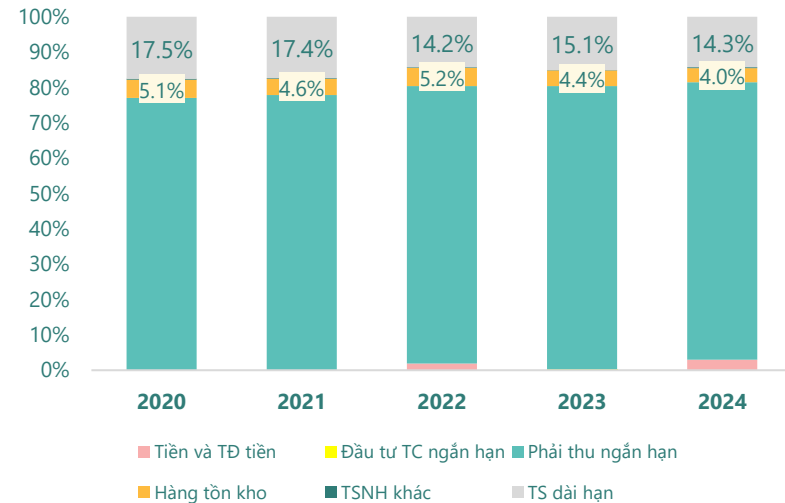
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

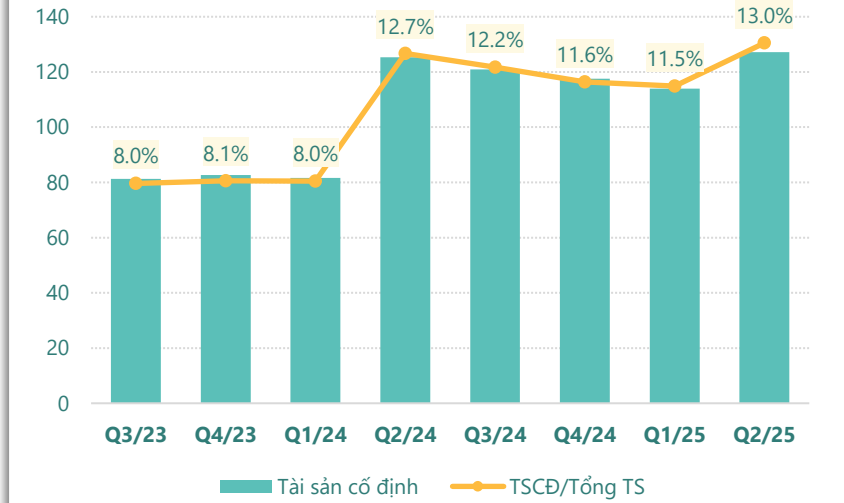
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

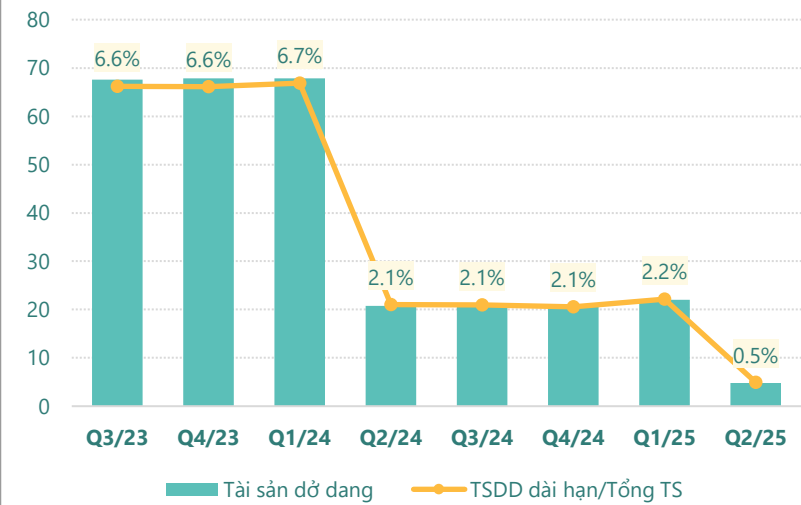
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

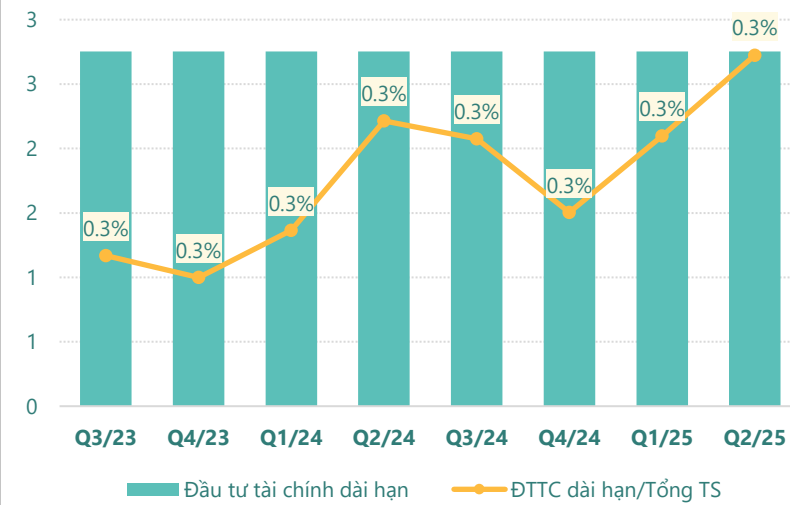
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

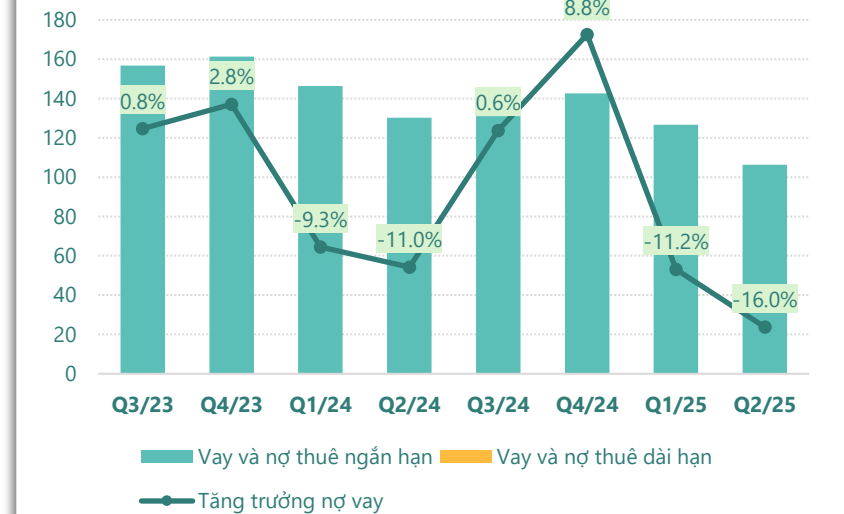
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

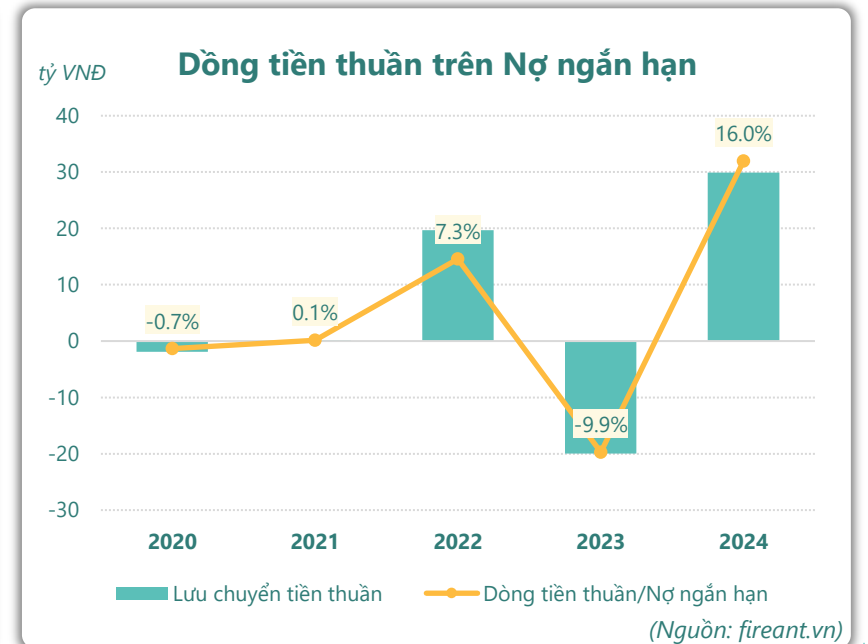
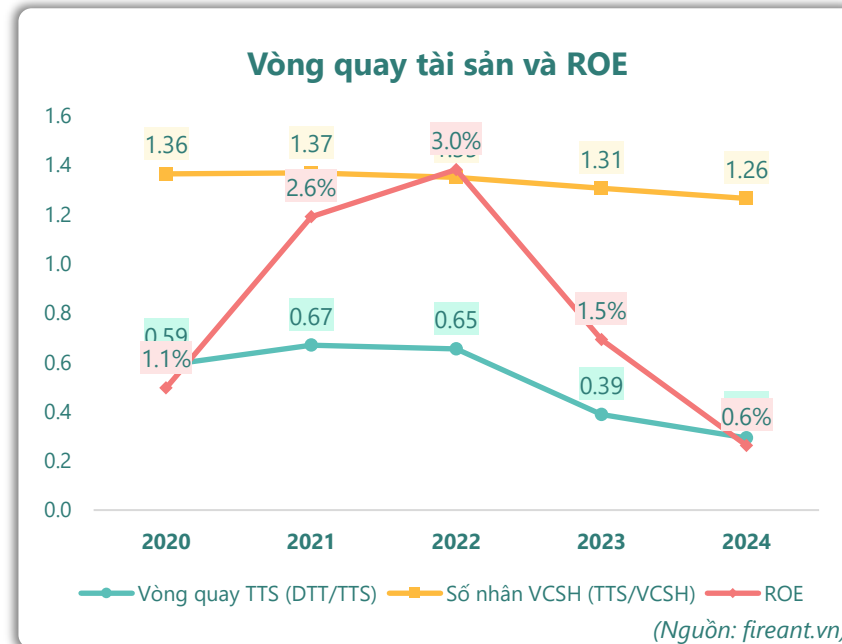
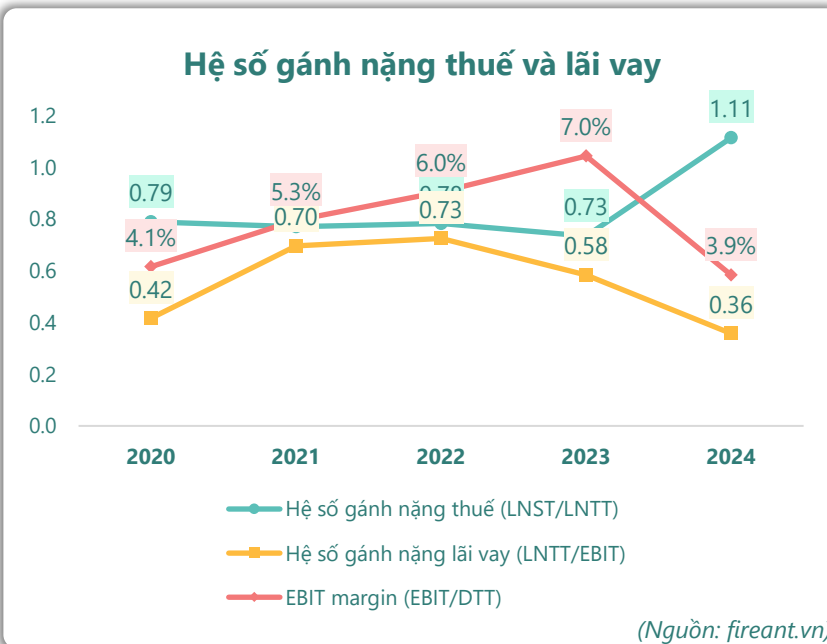
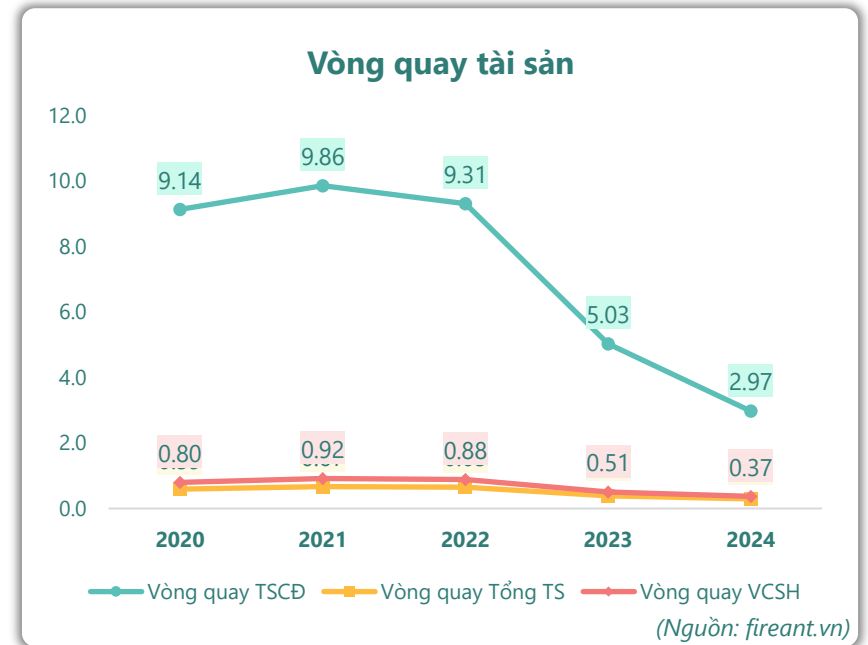
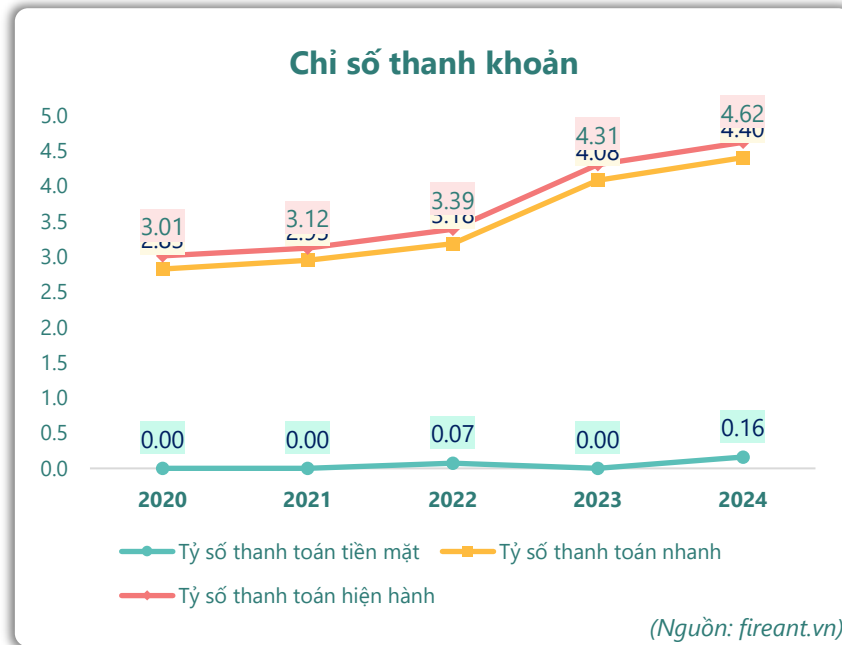
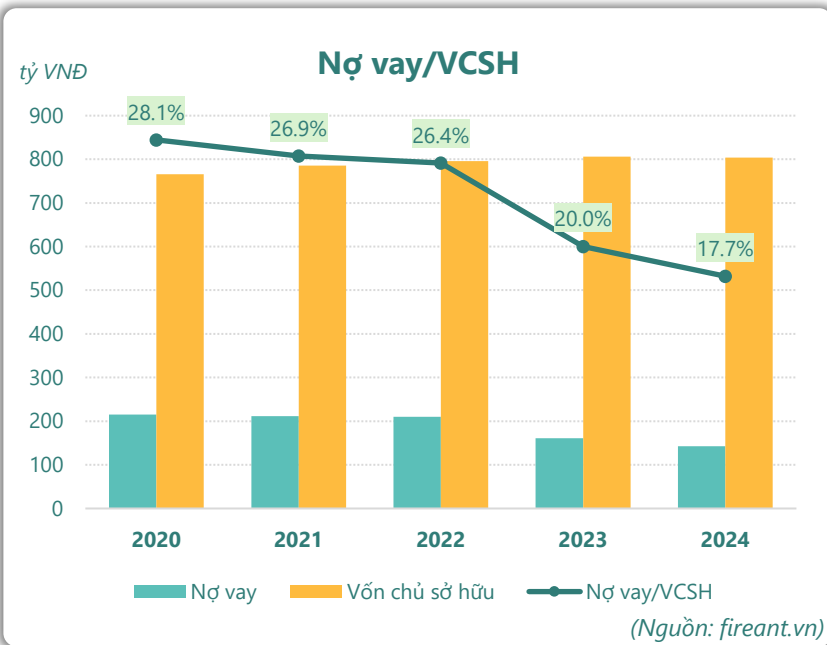
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	65.6	72.1	-9.0%	148	151	-1.8%
Giá vốn hàng bán	44.0	54.3	-18.9%	112	119	-6.6%
Lợi nhuận gộp	21.6	17.8	21.5%	36.6	31.5	16.0%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.06	117%	0.19	0.07	185%
Chi phí TC	1.73	2.82	-38.6%	3.39	4.35	-22.0%
Chi phí lãi vay	1.63	2.51	-35.0%	3.21	4.01	-20.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.08	6.91	-12.0%	11.7	13.8	-15.2%
Chi phí QLDN	11.9	13.1	-9.0%	15.5	16.7	-7.4%
LN thuần từ HĐKD	2.02	-5.02	140%	6.15	-3.33	284%
Lợi nhuận khác	-0.56	0.00		-0.56	0.02	-3185%
LN trước thuế	1.46	-5.02	129%	5.58	-3.31	269%
Lợi nhuận sau thuế	0.07	-6.35	101%	3.21	-5.09	163%
LNST của CĐ cty mẹ	0.07	-6.35	101%	3.21	-5.09	163%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.3	14.3	1.91	26.1	-11.2	32.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.15	1.97	-2.86	-1.04	-2.56	-2.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.9	-16.0	0.81	4.59	-15.9	-20.4
Tiền đầu kỳ	0.18	0.36	0.55	0.41	30.1	0.38
Lưu chuyển tiền thuần	0.18	0.19	-0.14	29.7	-29.7	10.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.36	0.55	0.41	30.1	0.38	10.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	974	1,009	-3.4%
Tài sản ngắn hạn	837	865	-3.2%
Tiền và tương đương tiền	10.5	30.1	-65.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	779	792	-1.6%
Hàng tồn kho	46.7	40.5	15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.65	2.46	-73.5%
Tài sản dài hạn	137	144	-4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	127	118	8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.79	20.8	-77.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.46	3.12	-21.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	167	205	-18.5%
Nợ ngắn hạn	149	187	-20.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	143	-25.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.1	25.9	-10.8%
Nợ dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	807	804	0.4%
Vốn chủ sở hữu	807	804	0.4%
Vốn điều lệ	140	140	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

